

# ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT THEO HƯỚNG NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Huỳnh Bảo Châu<sup>1</sup>, Trần Huỳnh Quang Minh<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 07/05/2021

Ngày nhận bản sửa: 12/06/2021

Ngày duyệt đăng: 25/06/2021

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của ba mô hình đại diện cho hoạt động sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả phân tích cho thấy: mô hình độc canh dưa lưới Hải Farm và luân canh rau hữu cơ của Mai Organic tuy đem lại mức lợi nhuận cao với 117,12 và 25,32 triệu đồng/sào/năm nhưng khó khăn trong nhân rộng mô hình do chi phí đầu tư ban đầu lớn. Đối với mô hình luân canh rau hữu cơ ở phường Kim Long, mức lợi nhuận chỉ đạt 15,14 triệu đồng/sào/năm nhưng có khả năng nhân rộng cao. Nguyên nhân là do mô hình có chi phí sản xuất trực tiếp rất nhỏ khi tận dụng lao động gia đình và tư liệu sản xuất sẵn có. Qua đó, nghiên cứu khuyến nghị một số giải pháp nhằm mở rộng mô hình liên kết hộ gia đình sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hiệu quả kinh tế; Sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ; Thừa Thiên Huế.

## 1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp hữu cơ (NNHC) là xu hướng tất yếu nhằm hướng đến mục tiêu đảm bảo hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi, tạo ra những sản phẩm có chất lượng an toàn với người sử dụng, đem lại hiệu quả kinh tế, duy trì và nâng cao độ màu mỡ của đất (Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2016). Việc chuyển đổi từ nền nông nghiệp hóa chất sang nền NNHC là xu hướng tất yếu trước nhu cầu sử dụng thực phẩm sạch của người tiêu dùng.

Mô hình sản xuất theo hướng NNHC là hình thức canh tác loại bỏ phần lớn việc sử dụng phân bón tổng hợp và thuốc bảo vệ thực vật (BVTV). Trở ngại lớn nhất khi chuyển từ sản xuất truyền thống sang NNHC là thói quen sử dụng thuốc BVTV của

---

<sup>1</sup> Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: [thbchau@hce.edu.vn](mailto:thbchau@hce.edu.vn)

nông dân. Bên cạnh đó, quá trình sản xuất NNHC phải tuân thủ nghiêm ngặt “6 không” (không bón phân hóa học, không thuốc trừ sâu hóa học, không thuốc kích thích sinh trưởng, không thuốc diệt cỏ, không giống biến đổi gen, không chất bảo quản) và đảm bảo chất lượng các yếu tố đầu vào như nước, giống, phân bón, vật tư nông nghiệp (Phạm Tiến Dũng, 2016). Sự khác biệt rõ nhất giữa các loại sản phẩm hữu cơ với sản phẩm sạch, an toàn là quy trình sản xuất không sử dụng thuốc trừ sâu và phân hóa học (Nguyễn Kim Đường, 2017). Đồng thời, sản xuất theo hướng NNHC yêu cầu nhiều công lao động đã làm chi phí sản xuất cao nhưng năng suất thấp hơn so với các phương pháp thông thường, giá thành sản phẩm chưa tương xứng với chi phí bỏ ra, khó cạnh tranh với các sản phẩm khác trên thị trường (Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam, 2017; Bùi Thị Cẩm Tú và cộng sự, 2020).

Sản xuất NNHC trong điều kiện tự nhiên đã và đang rất khó khăn do ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa, các mối nguy cơ từ môi trường sản xuất còn dư lượng hóa học ... Do đó, hoạt động sản xuất NNHC kết hợp kinh nghiệm canh tác truyền thống, sự tiến bộ kỹ thuật - công nghệ để tạo ra một môi trường sống cân bằng, hài hòa và bền vững (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2020).

Việc đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình sản xuất theo hướng NNHC sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách xác định được những ưu tiên trong công tác đẩy mạnh phát triển sản xuất hữu cơ. Đây là những đầu vào quan trọng cho việc xây dựng các chính sách cũng như giải pháp nhằm thúc đẩy người dân chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

## **2. Tình hình canh tác theo hướng nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam**

### **2.1. Thực trạng canh tác theo hướng nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam**

Việt Nam có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển NNHC do nằm trong khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều, nguồn lao động dồi dào và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, sản xuất NNHC ở Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức như chi phí “đầu vào” tương đối lớn, trong khi “đầu ra” gặp không ít vấn đề trong việc đạt chứng nhận hữu cơ, thị trường tiêu thụ (Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam, 2017). Đây là một trong những rào cản dẫn tới việc thực phẩm được chứng nhận hữu cơ đang là những mặt hàng dành cho những đối tượng khách hàng có thu nhập cao.

Ở Việt Nam, có 76.666 ha diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ năm 2015 (chiếm 0,7% diện tích đất nông nghiệp) với các sản phẩm chủ yếu là gạo, tôm, dưa, cà phê, cacao, sữa, chè, rau, quả, quế, hồi, tinh dầu ... Đến năm 2016, diện tích canh tác hữu cơ tăng lên 53.350 ha và đến năm 2019 là 237.693 ha; với 46/63 tỉnh thành đang thực hiện và có phong trào sản xuất hữu cơ; số nông dân tham gia là 17.168 người; 97

doanh nghiệp sản xuất hữu cơ, trong đó 60 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu với kim ngạch 335 triệu USD/năm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2020). Bên cạnh đó, chính phủ cũng đã có nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ cho hoạt động sản xuất NNHC như công bố bộ Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ TCVN 11041:2017 vào năm 2017 và Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ năm 2018 nhằm góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và hoạt động sản xuất hữu cơ nói riêng, gia tăng giá trị sản phẩm, chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trong nước và xuất khẩu, tạo nhiều cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ (Tạp chí Kinh tế nông thôn, 2019). Theo điều tra công bố năm 2020 của Tổ chức Nông nghiệp Quốc tế (IFOAM – the International Federation of Organic Agriculture Movements), sản phẩm NNHC Việt Nam được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đến những thị trường tiêu thụ nông sản hữu cơ lớn nhất trên thế giới như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật, Đức, Anh, Hàn Quốc, Nga, Singapore, ...

### 2.2. Nguyên tắc canh tác theo hướng nông nghiệp hữu cơ

Sản xuất NNHC được quy định trong bộ tiêu chuẩn quốc gia TCVN11041-1:2017 bao gồm các nguyên tắc sau:

**Bảng 1. Nguyên tắc canh tác theo hướng nông nghiệp hữu cơ**

Được phép	Không được phép
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng hạt giống và các nguyên liệu hữu cơ.</li> <li>- Sử dụng phân bón hữu cơ theo cách tổng hợp.</li> <li>- Sử dụng thuốc trừ sâu sinh học trong sản xuất.</li> <li>- Phải duy trì việc ghi chép nhật ký canh tác, có những biện pháp ngăn ngừa xói mòn đất màu và tình trạng nhiễm mặn đất.</li> <li>- Sử dụng túi và các vật dụng mới và sạch để vận chuyển và lưu kho sản phẩm hữu cơ.</li> <li>- Các cây trồng trong khu vực canh tác hữu cơ phải khác với cây trồng ở khu vực truyền thống. Thiết lập hàng rào cách ly nhằm để tránh việc nhiễm bản từ bên ngoài vào vùng sản xuất hữu cơ.</li> <li>- Cây trồng ngắn ngày phải có ít nhất 12 tháng chuyển đổi mới thu được sản phẩm hữu cơ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng các loại phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật hóa học, các loại hormon tổng hợp (thuốc kích thích sinh trưởng), giống cây chuyển đổi gen.</li> <li>- Dùng chung các thiết bị canh tác với diện tích sản xuất truyền thống.</li> <li>- Phun các loại thuốc trừ sâu cấm sử dụng trong kho chứa nông sản.</li> <li>- Dùng thuốc bảo vệ thực vật hóa học để xử lý hạt giống trước khi gieo trồng.</li> <li>- Dùng phân ủ đô thị, phân bắc trong sản xuất hữu cơ.</li> <li>- Đốt cành cây, rom rạ (trừ trường hợp đối với kiểu du canh đất dốc).</li> <li>- Cấm phá rừng nguyên sinh để canh tác hữu cơ.</li> </ul>

Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ - TCVN11041:2017

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Chọn địa điểm và mô hình canh tác**

Tỉnh Thừa Thiên Huế đã áp dụng nhiều mô hình canh tác theo hướng NNHC và đạt được những kết quả bước đầu khả quan. Việc lựa chọn mô hình nghiên cứu dựa trên tham vấn ý kiến 05 cán bộ Trung tâm Khuyến nông và Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc lựa chọn mô hình.

Các mô hình sản xuất theo hướng NNHC được liệt kê và cho ý kiến đánh giá theo các tiêu chí: đảm bảo nguyên tắc canh tác theo hướng NNHC; mang lại hiệu quả kinh tế; có khả năng nhân rộng. Trên cơ sở kết quả đánh giá, ba mô hình được lựa chọn đại diện cho các hình thức sản xuất canh tác theo hướng NNHC trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay.

- Mô hình độc canh: dưa lưới Hải Farm ở phường Thủy Biều

- Mô hình luân canh nhiều loại cây trồng:

+ Rau hữu cơ phường Kim Long: đây là mô hình gồm 8 hộ nông dân liên kết với nhau trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, chủ yếu sử dụng các tư liệu sản xuất (TLSX) tự có như đất đai, lao động.

+ Mai Organics ở phường Hương Vân: đây là mô hình do công ty trách nhiệm hữu hạn nông sản sạch Hoàng Mai làm chủ đầu tư, tiến hành thuê đất để canh tác và chủ yếu sử dụng lao động thuê ngoài.

#### **3.2. Thu thập thông tin**

- Số liệu thứ cấp được thu thập chủ yếu từ Trung tâm Khuyến nông và Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh Thừa Thiên Huế, các xuất bản liên quan đến đề tài nghiên cứu như sách, báo cáo khoa học, tạp chí.

- Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra khảo sát 03 chủ mô hình sản xuất theo hướng NNHC được lựa chọn với bảng hỏi được thiết kế sẵn. Nội dung bảng hỏi bao gồm các thông tin chung về mô hình sản xuất, tình hình đầu tư, năng suất, giá bán của các loại sản phẩm hữu cơ trong mô hình canh tác và đánh giá về hiệu quả kinh tế của mô hình đang áp dụng.

#### **3.3. Phân tích đánh giá**

Nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích số liệu, các chỉ tiêu đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế mô hình canh tác được sử dụng.

Các chỉ tiêu phản ánh kết quả như: giá trị sản xuất (GO), giá trị gia tăng (VA), lợi nhuận (Pr) và các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả như: tỷ suất tổng giá trị sản xuất trên tổng chi phí (GO/TC), tổng giá trị sản xuất trên chi phí trung gian (GO/IC), tỷ suất giá trị gia tăng trên tổng chi phí (VA/TC), giá trị gia tăng trên chi phí trung gian (VA/IC), và lợi nhuận trên tổng chi phí (Pr/TC).

**4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

**4.1. Năng lực của các mô hình sản xuất theo hướng Nông nghiệp hữu cơ**

**4.1.1. Tình hình sử dụng đất và lao động của các mô hình**

Nghiên cứu lựa chọn 03 mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, mỗi mô hình có đặc điểm khác nhau về cách thức, diện tích canh tác và số lượng lao động được sử dụng.

**Bảng 2: Đặc điểm các mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ**

Đặc điểm	ĐVT	Mô hình sản xuất theo hướng NNHC		
		Mai Organics	Rau hữu cơ Phường kim Long	Hải Farm
<b>Loại mô hình</b>		Luân canh	Luân canh	Độc canh – sản xuất dưa lưới
<b>Đại diện</b>		Công ty tư nhân	Liên kết 8 hộ gia đình	Cá nhân
<b>Đất canh tác</b>		Thuê đất canh tác	Đất nông nghiệp của hộ gia đình	Mua đất nông nghiệp để canh tác
Diện tích đất canh tác	m <sup>2</sup>	17.000	4.800	1.500
Công trình phụ trợ	m <sup>2</sup>	10.000	-	-
<b>Lao động</b>				
Thuê ngoài	người	6	0	3
Tự có	người	1	15	0

*Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp của nhóm tác giả, 2021*

Mô hình Mai Organics là trang trại của công ty TNHH Nông nghiệp sạch Hoàng Mai. Công ty tập trung vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ rau hữu cơ trên diện tích 27.000 m<sup>2</sup>, trong đó: 17.000 m<sup>2</sup> đất phục vụ cho hoạt động sản xuất, diện tích còn lại dành cho các công trình phụ trợ như: khu làm việc, lán trại, khu vực sơ chế, kho bãi, nhà ủ phân, ... Mô hình sử dụng 7 lao động (trong đó 6 lao động thuê ngoài) đảm nhận toàn bộ các công việc. Mô hình sản xuất này luân canh nhiều loại rau khác nhau, và được chia thành 3 nhóm chính: rau ăn lá, rau ăn củ quả và rau gia vị. Diện tích của mỗi nhóm rau là khác nhau, tùy thuộc vào nhu cầu của thị trường.

Mô hình rau hữu cơ phường Kim Long tiến hành nghiên cứu trên 3 nhóm đối tượng điển hình (hộ ông Hùng, hộ ông Tú và 6 hộ còn lại), các nhóm đối tượng này đại diện cho hai quá trình lịch sử khác nhau từ trang trại nông nghiệp thông thường sang

trang trại trồng rau hữu cơ. Tổng diện tích canh tác là 4.800 m<sup>2</sup> với 15 lao động, tất cả đều là lao động gia đình. Hầu hết lao động chính là nam, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động, phụ nữ hỗ trợ các công việc đồng áng như làm cỏ, thu gom sản phẩm ...

Mô hình Hải Farm áp dụng hình thức canh tác độc canh một loại cây trồng là dưa lưới trên diện tích 1.500 m<sup>2</sup> với 3 lao động. Tất cả lao động đều được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng trong việc áp dụng công nghệ cao vào quá trình sản xuất. Dưa lưới được trồng trong nhà kính, sử dụng khay xếp để gieo hạt và được đặt trong hệ thống màng có thể che mưa, chống côn trùng. Hạt được tưới hàng ngày. Thời gian sinh trưởng và phát triển của dưa lưới tại trang trại là 3 tháng, tương đương 90 ngày sẽ cho thu hoạch.

#### 4.2. Chi phí sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ của các mô hình

Hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất rau theo hướng NNHC nói riêng tiêu tốn nhiều khoản chi phí khác nhau. Bảng 3 phản ánh chi phí sản xuất của ba mô hình nghiên cứu.

**Bảng 3: Chi phí sản xuất theo hướng NNHC của mỗi mô hình**  
(tính bình quân trên sào/năm)

*DVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Mô hình sản xuất		
		Mai Organics	Rau hữu cơ Phường Kim Long	Hải Farm
<b>I</b>	<b>Chi phí sản xuất trực tiếp (IC)</b>	<b>20,24</b>	<b>1,07</b>	<b>89,89</b>
	Giống	1,16	0,58	1,95
	Phân bón hữu cơ	4,28	0,25	14,70
	Nguyên vật liệu khác	0,48	-	25,10
	Điện, nước	1,13	-	9,14
	Thuốc BVTV sinh học	0,53	0,04	-
	Sử dụng đất/lãi ngân hàng	0,19	-	12,00
	Lao động thuê ngoài	11,76	0,00	27,00
	Chi phí khác	0,71	0,20	-
<b>II</b>	<b>Chi phí tự có</b>	<b>1,96</b>	<b>9,41</b>	<b>0,00</b>
	Lao động gia đình	1,96	8,85	-
	Phân hữu cơ (phân chuồng)	-	0,56	-
<b>III</b>	<b>Chi phí khấu hao tài sản cố định</b>	<b>1,41</b>	<b>0,85</b>	<b>21,83</b>
	Giá trị TLSX	418,55	68,65	1.215,00
	<b>Tổng chi phí (TC)</b>	<b>23,61</b>	<b>11,33</b>	<b>111,72</b>

*Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp của nhóm tác giả, 2021*

*Đối với mô hình Mai Organics: hoạt động sản xuất rau hữu cơ ở công ty được*

chia thành 3 nhóm rau chính: rau ăn lá (xà lách, cải xanh, tần ô, mồng tơi, rau dền, rau khoai, rau muống), rau ăn củ, quả (cà chua, cà tím, đậu bắp, đậu cô ve, dưa chuột, bí đỏ, khổ qua, mướp, cà rốt, củ cải) và rau gia vị (húng, quế, ngò, rau thơm, hành lá). Kết quả điều tra cho thấy, tổng chi phí hoạt động sản xuất là 23,61 triệu đồng/sào/năm.

Chi phí sản xuất trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn nhất là 20,24 triệu đồng (85,72 % tổng chi phí). Trại đã tiến hành lựa chọn các giống tốt với chi phí bình quân là 1,16 triệu đồng/sào. Bên cạnh chất lượng giống, để nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, cần bổ sung các loại phân hữu cơ với tổng chi phí trung bình là 4,28 triệu đồng/sào. Trại có 7 lao động (trong đó 6 lao động thuê ngoài) đảm nhận khối lượng lớn công việc. Chi phí lao động thuê ngoài là 11,76 triệu đồng/sào/năm (chiếm 58,10%). Chi phí lao động gia đình chỉ 1,96 triệu đồng/sào/năm, được xác định dựa trên chi phí cơ hội, lao động gia đình sẽ hỗ trợ khi đến mùa thu hoạch hoặc khi khối lượng công việc quá lớn. Do quy mô sản xuất lớn nên mức độ đầu tư TLSX tương đối đầy đủ với tổng giá trị là 418,55 triệu đồng, tương ứng với chi phí khấu hao TLSX là 1,41 triệu đồng, được tính theo phương pháp khấu hao đều.

**Đối với mô hình rau hữu cơ phường Kim Long:** hoạt động sản xuất rau hữu cơ phường Kim Long cần trang bị các TLSX như giếng nước, máy bơm, hệ thống điện, ống nước phục vụ cho việc tưới tiêu tự động và đặc biệt cần xây dựng nhà ủ phân chuồng, đảm bảo lượng phân bón chất lượng, đáp ứng yêu cầu sản xuất hữu cơ. Tổng chi phí hoạt động sản xuất rau hữu cơ là 11,33 triệu đồng/sào/năm. Trong đó, chi phí tự có chiếm tỷ trọng lớn nhất là 9,41 triệu đồng, chi phí sản xuất trực tiếp chỉ 1,07 triệu đồng, thấp hơn rất nhiều so với hai mô hình còn lại. Cụ thể: trong mô hình này, người nông dân sử dụng giống từ hai nguồn: tích trữ từ vụ trước và mua trên thị trường. Giá hạt giống giao động trong khoảng 15 - 28 nghìn đồng/gói. Chi phí giống trung bình 0,58 triệu đồng/sào.

Để đáp ứng quy định sản xuất hữu cơ, người nông dân sử dụng nhiều phân bón hữu cơ (phân chuồng và phân bón mua bổ sung). Chi phí phân chuồng được tính theo phương pháp chi phí cơ hội. Người dân có thể sử dụng phân chuồng để bón hoặc đem bán. Giá phân chuồng tương đối cao (5.000 đồng/kg), nếu sử dụng nhiều phân chuồng thì rau càng xanh, tăng độ phì nhiêu cho đất. Chi phí thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học tương đối nhỏ, chỉ 0,04 triệu đồng/sào. Tất cả hộ nông dân đều tận dụng lao động gia đình mà không thuê ngoài. Chi phí lao động bình quân/sào là 8,85 triệu đồng, chi phí này được xác định dựa trên chi phí cơ hội, 1 công lao động có giá khoảng 150 nghìn đồng/công.

**Đối với mô hình Hải Farm:** tổng chi phí đầu tư ban đầu là 1.215 triệu đồng, bao

gồm vốn chủ sở hữu bỏ ra là 715 triệu đồng, 500 triệu đồng còn lại vay ngân hàng với lãi suất 7,2%/năm (tương ứng 12 triệu đồng/sào/năm). Các khoản chi này chủ yếu từ tiền mua đất làm trang trại (600 triệu) và xây dựng nhà kính phục vụ sản xuất (500 triệu). Ngoài ra, Hải Farm còn đầu tư các thiết bị khác như: hệ thống tưới nhỏ giọt, bộ điều khiển hệ thống tưới phân và hệ thống phun sương, hệ thống tưới, bón phân tự động, hệ thống khung giá, quạt đối lưu không khí, máy kiểm tra độ PH. Các thiết bị này có tổng giá thành là 115 triệu đồng. Nhìn chung, tổng kinh phí đầu tư của trang trại là rất lớn.

Dưa lưới có thời gian sinh trưởng và phát triển khoảng 3 tháng sẽ cho thu hoạch. Dưa truyền thống được trồng 2 vụ/năm. Vụ Xuân (tháng 3 - 6), vụ Thu Đông (tháng 8 - 11). Do dưa lưới của Hải Farm được trồng trong nhà kính và không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết nên có thể trồng 3 vụ trong một năm. Tổng chi phí sản xuất trong mỗi sào/vụ giao động từ 35 đến 40 triệu đồng, tương ứng 111,72 triệu đồng/năm, đây là một khoản chi phí tương đối lớn. Trong đó, chi phí sản xuất trực tiếp chiếm giá trị lớn nhất là 89,89 triệu đồng, bao gồm các khoản chi phí như giống, phân bón, điện, nước, chi phí lao động thuê ngoài (giá thuê nhân công bình quân 3 triệu/tháng, tương ứng là 27 triệu đồng/năm). Bên cạnh đó, khoản chi phí cho các nguyên liệu khác cũng chiếm giá trị tương đối lớn (25,10 triệu đồng), khoản chi phí này bao gồm các khoản chi phí mua giá thể, khay ươm, dây điện, dây kẽm, móc treo cố định cây, túi PE, ...

#### 4.3. Giá trị sản xuất của các mô hình theo hướng NNHC

**Mai Organics:** Doanh thu là một trong những chỉ tiêu kết quả nói lên giá trị được tạo ra của quá trình hoạt động sản xuất trong một khoảng thời gian nhất định.

**Bảng 4: Giá trị sản xuất rau hữu cơ của mô hình Mai Organics**

Loại rau	Diện tích (sào)	Sản lượng (kg)	Giá bình quân (nghìn đồng/kg)	Doanh thu (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
Rau ăn lá	19,60	50.000,00	16,00	800,00	48,08
Rau ăn quả	9,40	46.750,00	14,00	654,50	39,34
Rau gia vị	5,00	23.250,00	9,00	209,25	12,58
<b>Tổng</b>	<b>34,00</b>	<b>120.000,00</b>	-	<b>1.663,75</b>	<b>100,00</b>
<b>Diện tích/sào/năm</b>	-	-	-	<b>48,93</b>	-

*Nguồn: Công ty trách nhiệm hữu hạn nông sản sạch Hoàng Mai, 2021*

Doanh thu của trang trại là 1.663,75 triệu đồng trên diện tích 34 sào, tương ứng là 48,93 triệu đồng/sào. Trong đó, rau ăn lá cho doanh thu lớn nhất (48,08%), đây là loại rau có diện tích trồng lớn nhất, được đầu tư về giống, phân bón và công chăm sóc nên sản lượng thu hoạch sẽ cao nhất, đồng thời, giá bình quân của rau ăn lá là 16 nghìn



đồng/kg, cao nhất trong 3 loại rau. Doanh thu từ rau gia vị chiếm tỷ trọng nhỏ nhất, chỉ 12,58%, tương ứng 209,25 triệu đồng/năm. Đây là loại rau trồng trên diện tích nhỏ và giá thành tương đối thấp. Tuy nhiên, xét về năng suất, rau gia vị là loại rau cho năng suất tương đối cao, vì đây là loại rau dễ trồng, sinh trưởng và phát triển, thời gian thu hoạch ngắn, sau khi trồng từ 20 - 25 ngày là có thể thu hoạch.

**Mô hình rau hữu cơ phường Kim Long:** Trong nghiên cứu, chúng ta tập trung vào các loại rau chính mà nông dân trồng và xem xét giá trung bình của từng loại rau hữu cơ. Sản lượng trung bình đạt 1.079,66 kg/sào, doanh thu bình quân là 26,48 triệu đồng.

**Bảng 5: Giá trị sản xuất rau hữu cơ của mô hình ở phường Kim Long**  
(Tính bình quân sào/năm)

Loại rau	Giá bình quân (nghìn đồng/kg)	Sản lượng (kg)	Doanh thu (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
Rau ăn lá	18 - 35	562,33	12,54	47,36
Rau ăn quả	18 - 45	447,63	11,22	42,37
Rau gia vị	20 - 50	69,70	2,72	10,27
<b>Tổng</b>		<b>1.079,66</b>	<b>26,48</b>	<b>100,00</b>

*Nguồn: Số liệu điều tra mô hình rau hữu cơ phường Kim Long, 2021*

Mô hình sản xuất rau hữu cơ phường Kim Long bao gồm 8 hộ gia đình canh tác trên diện tích 4.800 m<sup>2</sup> (tương đương 9,6 sào). Các hộ dân áp dụng hình thức luân canh nhiều loại rau, chủ yếu chia thành 3 nhóm chính: rau ăn lá, rau ăn quả và rau gia vị với tổng doanh thu là 26,48 triệu đồng/sào. Trong đó, rau ăn lá đem lại doanh thu lớn nhất (chiếm 47,36% tổng doanh thu), rau gia vị có doanh thu thấp nhất, chỉ chiếm 10,27%. Kết quả này có sự tương đồng với mô hình Mai Organics khi rau ăn lá được người tiêu dùng sử dụng thường xuyên trong các bữa ăn hằng ngày, trong khi rau gia vị chỉ được sử dụng bổ sung, đi kèm với các loại thực phẩm khác.

**Mô hình Hải Farm:** Hải Farm mỗi năm trồng 3 vụ với sản lượng thu hoạch trung bình 3.400 kg trên diện tích 3 sào mỗi vụ, tương đương 2.700 đến 3.500 trái, mỗi trái nặng từ 1,3 - 1,6kg. Giá bán bình quân dưa lưới tại Hải Farm là 66,67 nghìn đồng/kg.

Sản lượng và năng suất của Hải Farm liên tục tăng dần trong các vụ sau: vụ 1 đạt 666,67 kg/sào và sản lượng đạt 2.000 kg. Nguyên nhân là do trồng quá nhiều nên sản lượng và năng suất không cao. Vụ 2 do trồng thưa, tận dụng hết diện tích đất nên sản lượng và năng suất đã tăng gấp đôi so với vụ 1 nhưng vẫn chưa đạt tối đa: năng suất

đạt 1.300 kg/sào và sản lượng đạt 3.900 kg. Vụ 3 thu được sản lượng và năng suất cao nhất. Sự chênh lệch này là do ở vụ thứ 3, không gian để dưa phát triển tối đa, trình độ tay nghề của người lao động đã được nâng cao rõ rệt. Hơn nữa, kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch rất tốt nên không gây lãng phí sản phẩm. Do đó, năng suất và sản lượng vụ 3 đạt cao nhất. Năng suất của cây dưa lưới ít chịu ảnh hưởng của khí hậu thời tiết do dưa lưới được trồng trong nhà kính, có hệ thống màng che mưa và chống côn trùng gây hại.

**Bảng 6: Giá trị sản xuất dưa lưới của mô hình Hải Farm**  
(Tính bình quân sào/năm)

	ĐVT	Vụ 1	Vụ 2	Vụ 3	BQC
<b>Diện tích</b>	sào	3,00	3,00	3,00	3,00
<b>Số gốc cây</b>	gốc	3.500,00	2.700,00	3.000,00	3.066,67
<b>Sản lượng</b>	kg	2.000,00	3.900,00	4.300,00	3.400,00
<b>Năng suất</b>	kg/sào	666,67	1.300,00	1.433,33	1.133,33
<b>Giá bán</b>	1000 đồng/kg	65,00	60,00	75,00	66,67
<b>Thu nhập</b>	Triệu đồng/vụ	<b>43,33</b>	<b>78,00</b>	<b>107,50</b>	<b>76,28</b>
<b>Tổng thu nhập</b>	Triệu đồng		<b>228,83</b>		

*Nguồn: Số liệu điều tra Hải Farm, 2021*

Nhìn vào bảng trên cho thấy: Giá bán lẻ bình quân 1 kg dưa lưới sản xuất theo công nghệ cao, đảm bảo theo hướng NNHC khi mua tại vườn là: 65 nghìn đồng/kg ở vụ 1; vụ 2 là 60 nghìn đồng/kg; và 75 nghìn đồng/kg ở vụ 3. Do thời điểm thu hoạch vụ 3 đúng vào dịp Tết Nguyên Đán nên dưa lưới có giá bán lẻ cao nhất. Do đó, tổng doanh thu bình quân của mô hình Hải Farm đạt được cao nhất với 228,83 triệu đồng/sào/năm.

#### **4.4 Kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

Kết quả điều tra 3 mô hình sản xuất theo hướng NNHC trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy, mô hình độc canh dưa lưới tại trang trại Hải Farm đem lại lợi nhuận lớn nhất là 117,12 triệu đồng/sào/năm, gấp 6 lần so với hai mô hình còn lại. Mô hình sản xuất rau hữu cơ trên địa bàn phường Kim Long cho lợi nhuận trung bình thấp nhất là 15,14 triệu đồng/sào/năm.

+ Mô hình trang trại Hải Farm chỉ trồng một loại duy nhất là dưa lưới, trang trại đầu tư khoản chi phí rất lớn là 111,72 triệu đồng để trang bị TLSX hiện đại cũng như đảm bảo chất lượng các yếu tố đầu vào, tất cả lao động được thuê ngoài được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng trong việc áp dụng công nghệ cao vào hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, dưa lưới hiện đang là sản phẩm được người tiêu dùng ưa chuộng, giá thành tương đối cao và ổn định (khoảng 66,67 nghìn đồng/kg). Chính những điều này khiến cho lợi nhuận của trang trại Hải Farm lớn nhất.

+ Mô hình sản xuất của Mai Organic và rau hữu cơ ở phường Kim Long tương tự nhau, trồng kết hợp nhiều loại rau, mỗi loại rau có đặc điểm riêng. Lợi nhuận mô hình trang trại Mai Organic lớn hơn mô hình Kim Long, nguyên nhân là do trang trại đã đầu tư xây dựng hệ thống nhà vòm, lưới che cũng như hệ thống tưới tiêu tự động, giúp hạn chế ảnh hưởng của khí hậu thời tiết. Đồng thời, trang trại đã tuyển chọn nguồn giống chất lượng, cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng, phân bón, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất NNHC, góp phần nâng cao năng suất và tiết kiệm chi phí sản xuất. Mô hình Kim Long, mặc dù có sự liên kết giữa các hộ nông dân nhưng cách thức canh tác vẫn mang tính cá nhân, TLSX chưa được trang bị đầy đủ, đồng bộ. Hoạt động sản xuất rau hữu cơ có khoản chi phí tự có tương đối lớn, bao gồm chi phí lao động gia đình và chi phí sử dụng phân hữu cơ (phân chuồng), chính vì vậy có sự chênh lệch lớn giữa chi phí trung gian (IC) và tổng chi phí (TC).

**Bảng 7: Kết quả và hiệu quả các mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ (Tính bình quân sào/năm)**

	Chỉ tiêu	ĐVT	Mai	Rau hữu cơ	Hải Farm
			Organics	phường Kim Long	
Kết quả	GO	triệu đồng	48,93	26,48	228,83
	IC	triệu đồng	21,65	1,92	111,72
	TC	triệu đồng	23,61	11,33	111,72
	VA	triệu đồng	27,28	24,56	117,12
	Lợi nhuận (Pr)	triệu đồng	25,32	15,14	117,12
Hiệu quả	GO/IC	lần	2,26	13,79	2,05
	GO/TC	lần	2,07	2,34	2,05
	VA/IC	lần	1,26	12,79	1,05
	VA/TC	lần	1,16	2,17	1,05
	Pr/TC	lần	1,07	1,34	1,05

*Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, 2021*

Tuy nhiên, nếu xét về hiệu quả kinh tế, chúng ta có thể thấy rằng: mô hình Kim Long mặc dù có kết quả thấp nhất trong 3 mô hình nhưng lại có hiệu quả kinh tế cao nhất, được thể hiện thông qua các tiêu chí sau:

+ GO/IC: cho biết nếu bỏ ra một đồng chi phí trung gian sẽ mang lại bao nhiêu đồng giá trị sản xuất. Chỉ tiêu này ở mô hình Kim Long là 13,79 lần, trong khi đó 2 mô hình còn lại là 2,26 lần (Hoàng Mai) và 2,05 lần (Hải Farm). Mô hình rau hữu cơ

phường Kim Long có chi phí trung gian rất nhỏ (chỉ 1,92 triệu đồng) trong khi các mô hình khác, khoản chi phí này lớn hơn gấp 20 đến 58 lần.

+ GO/TC: cho biết nếu bỏ ra một đồng tổng chi phí sẽ mang lại bao nhiêu đồng giá trị sản xuất. Kết quả cho thấy, không có sự khác biệt quá lớn giữa 3 mô hình về chỉ tiêu này (khoảng từ 2,05 - 2,34 lần).

+ VA/IC: cho biết nếu bỏ ra một đồng chi phí trung gian sẽ mang lại bao nhiêu đồng giá trị gia tăng. Mặc dù VA của mô hình rau hữu cơ phường Kim Long nhỏ nhất nhưng IC lại quá nhỏ, dẫn đến 1 đồng chi phí trung gian bỏ ra đem lại 12,79 đồng giá trị gia tăng. Tương tự với chỉ tiêu VA/TC, mô hình này đạt kết quả là 2,17 lần, cao nhất trong cả ba mô hình.

+ Pr/TC: cho biết nếu bỏ ra một đồng chi phí sẽ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận. Mô hình dưa lưới Hải Farm mặc dù đem lại lợi nhuận rất lớn là 117,12 triệu đồng nhưng tổng chi phí đầu tư cũng rất lớn, với 111,72 triệu đồng. Do đó, chỉ tiêu Pr/TC của mô hình Hải Farm chỉ đạt 1,05 lần. Hai mô hình còn lại có tổng chi phí không quá lớn nên phần lợi nhuận thu về cũng tương ứng với phần chi phí bỏ ra, chỉ tiêu Pr/TC của mô hình Hoàng Mai và Kim Long lần lượt là 1,07 lần và 1,34 lần.

Tóm lại, khi xem xét 4 chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế trên có thể kết luận rằng: cả ba mô hình sản xuất rau theo hướng NNHC đều đem lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất rau hữu cơ còn giúp bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của cả người tiêu dùng và người sản xuất khi không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu hóa học, thuốc kích thích sinh trưởng, thuốc diệt cỏ, giống biến đổi gen, và chất bảo quản.

## **5. Kết luận và hàm ý chính sách**

### **5.1. Kết luận**

Kết quả đánh giá ba mô hình sản xuất theo hướng NNHC trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy: mô hình dưa lưới Hải Farm đem lại kết quả tốt nhất, lợi nhuận trung bình đạt 117,12 triệu đồng/sào/năm. Tuy nhiên, để đạt được mức lợi nhuận này, trang trại đã đầu tư chi phí rất lớn để áp dụng công nghệ cao vào quá trình sản xuất. Vì vậy, tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí chỉ đạt 1,05 lần. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất dưa lưới được trồng trên các giá thể, tránh hiện tượng đất bị suy thoái, giảm thiểu rác thải ra môi trường. Đây là mô hình mới được triển khai trong thời gian gần đây, có hiệu quả kinh tế tương đối cao cần được nhân rộng.

Mô hình sản xuất ở phường Kim Long mặc dù đem lại lợi nhuận thấp nhất là 15,14 triệu đồng/sào/năm. Tuy nhiên, mô hình này sử dụng toàn bộ sức lao động gia đình và tận dụng phân chuồng từ hoạt động chăn nuôi gia súc, tiết kiệm chi phí sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế. Tỷ suất giá trị gia tăng trên tổng chi phí mô hình

này đạt 2,17 lần và tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí đạt 1,34 lần, lớn nhất trong cả ba mô hình.

Dựa vào kết quả nghiên cứu, chúng ta có thể thấy rằng: TLSX đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất NNHC, nếu chúng ta trang bị đầy đủ TLSX phù hợp sẽ góp phần hạn chế những tác động tiêu cực của thời tiết, kéo dài thời vụ và nâng cao năng suất cây trồng,

## **5.2. Hàm ý chính sách**

Để góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và nhân rộng mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ cần có những giải pháp, chính sách sau:

- Trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng về hoạt động sản xuất theo hướng NNHC cho người nông dân thông qua các buổi tập huấn, triển khai, học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình thực tế đã phát triển thành công.

- Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định kỹ thuật về hoạt động sản xuất NNHC như chất lượng giống, quy cách bón phân, thuốc BVTV, mật độ cây trồng, tránh tình trạng cây trồng quá dày (ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển) hoặc quá thưa (gây lãng phí diện tích và nguồn lực).

- Hỗ trợ tín dụng các hộ nông dân, đảm bảo trang bị đầy đủ TLSX, áp dụng công nghệ cao, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí.

- Đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa các hộ nông dân trong mô hình thông qua các hoạt động như chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau khi khối lượng công việc lớn, liên kết đầu tư TLSX như mô hình rau hữu cơ phường Kim Long. Các hộ có thể đầu tư sử dụng chung hệ thống tưới tiêu tự động để tiết kiệm công lao động, tránh đầu tư lãng phí nguồn lực khan hiếm.

- Xây dựng uy tín, thương hiệu sản phẩm nông sản hữu cơ trên thị trường, tạo ra sự khác biệt về giá thành giữa sản phẩm nông nghiệp truyền thống và nông nghiệp hữu cơ, gia tăng doanh thu cho người nông dân.

- Liên kết 4 nhà: nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp nhằm đảm bảo điều kiện tốt nhất cho hoạt động sản xuất nói chung và NNHC nói riêng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và mở rộng thị trường đầu ra cho sản phẩm.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Bộ Khoa học và Công nghệ (2017), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-1:2017, Nông nghiệp hữu cơ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), Hội nghị triển khai Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn năm 2020-2030.

Bùi Thị Cẩm Tú, Phạm Thị Trâm, Nguyễn Thị Hằng (2020), Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam, Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam (2020).

Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam (2017), Tình hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ và xu thế hội nhập, Báo cáo tại Hội thảo “Giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

Nguyễn Kim Đường (2017), Nông nghiệp hữu cơ và thực phẩm an toàn, Tạp chí Khoa học – Công nghệ Nghệ An, số 1/2017.

Phạm Tiến Dũng (2016), Nông nghiệp hữu cơ, Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp.

Tạp chí Kinh tế nông thôn (2019), Nông nghiệp hữu cơ: Triển vọng, thách thức và giải pháp.

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (2016), Xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông sản sạch tại Việt Nam, Sở Khoa học và Công nghệ.

Trường Cao đẳng Nông nghiệp hữu cơ, Đan Mạch, “Tài liệu đào tạo của IFOAM về nông nghiệp hữu cơ vùng nhiệt đới - Canh tác hữu cơ – Tham khảo cho sản xuất rau, quả và chè”.

## **EVALUATION OF THE ECONOMIC EFFICIENCY OF PRODUCED MODEL TOWARDS ORGANIC AGRICULTURE IN THUA THIEN HUE PROVINCE**

**Tran Huynh Bao Chau, Tran Huynh Quang Minh**

**Abstract:** This research evaluates the economic efficiency of three models which are represented for organic agriculture activities in Thua Thien Hue province. The results show that the monoculture of Hai Farm and the rotation of Mai Organic bring high profits with 117.12 and 25.32 million dong/sao/year, however, they are difficult to multiply due to large initial investment costs. For the rotation model of organic vegetables in Kim Long ward, the profit is only 15.14 million VND/sao/year but it is a high capacity to broaden. The reason is identified that the direct production costs are little by utilizing family labor as well as available means of production. Thereby, some solutions are recommended to expand the linkage of households towards the organic agriculture model in the future.

**Keywords:** Economic efficiency; Towards organic agriculture; Thua Thien Hue